

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB
(Phụ lục Tờ trình Đại hội Nhà đầu tư v/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ ACBGF)

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
1	Căn cứ pháp lý	Điều lệ này được lập căn cứ theo những quy định pháp luật sau đây: - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2006 (“Luật Chứng khoán”); - Nghị định số 14/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2007 về việc thi hành luật Chứng khoán; - Nghị định số 84/2010/ NĐ-CP ngày 02 tháng 08 năm 2010 của Chính Phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Chứng khoán; - Nghị định số 85/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 08 năm 2010 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán; - Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2007 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ; - Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ ban hành kèm theo quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính; - Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán; - Quyết định Số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc Quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán; - Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán; - Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam; - Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính ban hành quy chế hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam; - Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế góp vốn, mua cổ phần của Nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam; - Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành quy chế hành nghề chứng khoán;	Điều lệ này được lập căn cứ theo những quy định pháp luật sau đây: - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007; - Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011; - Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012; - Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2013; - Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 09 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hành nghề chứng khoán được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2012; - Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2013; - Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán; - Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam; - Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của Nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2013; - Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam; - Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán; - Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của	Phù hợp các quy định pháp luật hiện hành

		- Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. - Các văn bản pháp lý có liên quan khác.	Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2012; - Các văn bản pháp lý có liên quan khác.	
2	Các định nghĩa <i>Sửa đổi</i>	Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB hoặc ACB Growth Fund, gọi tắt là Quỹ ACBGF Là quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng. Công ty Kiểm toán Là Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411043000993 ngày 07 tháng 03 năm 2009 do UBND TP.HCM cấp theo Luật đầu tư và Luật Doanh nghiệp, được sự chấp thuận của UBCKNN thực hiện việc kiểm toán tài sản của Quỹ ACBGF và hoạt động quản lý của Công ty Quản lý Quỹ ACB hàng năm. Bản cáo bạch Là tài liệu cung cấp những thông tin chính xác, trung thực, khách quan có liên quan đến việc chào bán, niêm yết Chứng chỉ Quỹ ACBGF bao gồm nhưng không giới hạn ở mục tiêu, chiến lược đầu tư, tài chính. Điều lệ Quỹ Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào tại từng thời điểm. Điều lệ Quỹ được soạn thảo phù hợp với pháp luật Việt Nam và được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Thời điểm định giá Là ngày làm việc cuối cùng của mỗi tuần hoặc ngày khác theo quyết định của Công ty Quản lý Quỹ nhằm thực hiện việc định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Tài sản quỹ Là bất kỳ loại chứng khoán nào và tiền mặt hoặc tương đương tiền và các tài sản khác thuộc sở hữu của Quỹ.	Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB hoặc ACB Growth Fund, gọi tắt là Quỹ ACBGF hoặc Quỹ Có nghĩa là một quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng đang đóng, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 có hiệu lực từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2011 (sau đây gọi chung là “Luật Chứng khoán”) và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Điều lệ Quỹ. Công ty Kiểm toán Là Công ty TNHH KPMG Việt Nam, thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011043000345 ngày 22 tháng 05 năm 2008 do UBND TP.Hà Nội cấp theo Luật đầu tư và Luật Doanh nghiệp, <u>hoặc công ty kiểm toán độc lập nào khác</u> được sự chấp thuận của UBCKNN và được Đại hội Nhà đầu tư chỉ định thực hiện việc kiểm toán tài sản của Quỹ ACBGF và hoạt động quản lý của Công ty Quản lý Quỹ ACB hàng năm. Bản cáo bạch Là tài liệu <u>hoặc dữ liệu điện tử công khai</u> cung cấp những thông tin chính xác, trung thực, khách quan có liên quan đến việc chào bán, niêm yết Chứng chỉ Quỹ ACBGF. Điều lệ Quỹ Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và bất kỳ sửa đổi, bổ sung <u>hợp pháp</u> nào tại từng thời điểm. Điều lệ Quỹ được soạn thảo phù hợp với pháp luật Việt Nam và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Thời điểm định giá Là ngày Công ty Quản lý Quỹ <u>ấn định để</u> thực hiện việc định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Tài sản quỹ Là bất kỳ <u>khoản đầu tư</u> nào và tiền mặt hoặc tương đương tiền và các tài sản khác thuộc sở hữu của Quỹ.	

Bổ

Bổ

Bổ sung

Bổ

Tổ chức phân phối (Đại lý chào bán Chứng chỉ Quỹ)

Là công ty chứng khoán có đủ năng lực và được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định làm tổ chức phân phối không độc quyền để chào bán Chứng chỉ Quỹ theo Hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (Net Asset Value - NAV)

Là tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư khác trừ đi tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ ACBGF vào thời điểm định giá.

Giá đóng cửa

Là giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.

Các định nghĩa khác

Các định nghĩa khác sẽ được hiểu theo quy định của luật hiện hành.

Tổ chức phân phối (Đại lý chào bán Chứng chỉ Quỹ)

Là ~~tổ chức~~ có đủ năng lực và được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định làm tổ chức phân phối không độc quyền để chào bán Chứng chỉ Quỹ theo Hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (Net Asset Value - NAV)

Là ~~tổng giá trị tài sản và các khoản đầu tư khác trừ đi tất cả các khoản nợ phải trả của Quỹ ACBGF vào thời điểm định giá.~~

Giá đóng cửa

Là ~~giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện trong ngày giao dịch, giá đóng cửa được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước đó.~~

- “Người điều hành quỹ”

Là người hành nghề quản lý quỹ được Công ty Quản lý Quỹ chỉ định để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ.

- “Ngày định giá”

Là ngày công ty quản lý quỹ ấn định để xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.

- “Thành viên độc lập của Ban đại diện quỹ”

Là thành viên không phải là người có liên quan với công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ này.

- “Nhóm các công ty có quan hệ sở hữu

Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

- “Hợp nhất quỹ”

Là hình thức hai hoặc một số quỹ đóng hoặc quỹ thành viên (sau đây gọi là quỹ bị hợp nhất) hợp nhất thành một quỹ đóng hoặc quỹ thành viên mới (sau đây gọi là quỹ hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp, nợ và các nghĩa vụ sang quỹ hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của các quỹ bị hợp nhất.

- “Sáp nhập quỹ”

Là hình thức hai hoặc một số quỹ đóng hoặc quỹ thành viên (sau đây gọi là quỹ bị sáp nhập) sáp nhập vào một quỹ đóng hoặc một quỹ thành viên (sau đây gọi là quỹ nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp, nợ và các nghĩa vụ sang quỹ nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt tồn tại của các quỹ bị sáp nhập.

Các định nghĩa khác

Các định nghĩa khác sẽ được hiểu theo quy định của luật hiện hành.

- Khoản 9 Điều 2 Thông tư 224/2012/TT-BTC

- Khoản 8 Điều 2 Thông tư 224/2012/TT-BTC

- Khoản 13 Điều 2 Thông tư 224/2012/TT-BTC

- Khoản 10 Điều 2 Thông tư 224/2012/TT-BTC

- Khoản 7 Điều 2 Thông tư 224/2012/TT-BTC

- Khoản 11 Điều 2 Thông tư 224/2012/TT-BTC

	Bổ sung		Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Các thuật ngữ khác nếu không được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu như quy định tại Bản cáo bạch tóm tắt, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Các dẫn chiếu trong Điều lệ này tới các Phụ lục, Điều và đoạn, trừ khi được quy định khác đi, là các phụ lục, Điều và đoạn của Điều lệ này. Các từ “của Điều lệ này”, “trong Điều lệ này” và “theo Điều lệ này” và các từ tương tự khác khi sử dụng trong Điều lệ này sẽ đề cập tới toàn bộ Điều lệ này và không phải là đề cập tới bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của Điều lệ này. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn kiện hoặc thỏa thuận nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới chính văn kiện, thỏa thuận đó hoặc văn kiện hoặc thỏa thuận đó được sửa đổi, điều chỉnh, thay thế và bổ sung tại từng thời điểm theo các điều khoản của văn kiện hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực tại bất kỳ thời điểm nào. Dẫn chiếu tới bất kỳ văn bản pháp luật nào sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới chính văn bản pháp luật đó, văn bản pháp luật đó được ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi, thay thế hoặc gia hạn tại từng thời điểm. Dẫn chiếu tới bất kỳ tổ chức, cá nhân sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới chính tổ chức, cá nhân đó hoặc bất kỳ bên kế nhiệm hoặc bên được chuyển nhượng hoặc bên được chuyển giao được phép của tổ chức, cá nhân đó, trừ trường hợp không được phép theo quy định của Điều lệ này.	
3	Điều 1: Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ	Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Tòa nhà Chứng khoán Việt Nam, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, Tòa nhà ACB 444A – 446 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
4	Điều 3: Thời hạn hoạt động của Quỹ			
	Sửa đổi Khoản 2	2. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.	2. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm. Việc gia hạn thời hạn hoạt động của Quỹ phải tuân thủ những quy định sau: a. Việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư của quỹ thông qua; b. Giá trị tài sản ròng của quỹ tại kỳ định giá gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ gia hạn không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.	Khoản 1 Điều 18 Thông tư 224/2012/TT-BTC.
5	Điều 7: Công ty Quản lý Quỹ	Tư sở chính của ACBC: Tầng 1, Tòa nhà Chứng khoán Việt Nam, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư sở chính của ACBC: Tầng 1, Tòa nhà ACB 444A – 446 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
6	Điều 8: Ngân hàng giám sát	Tư sở chính: Số 49 phố Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Tư sở chính: Phòng 1810 – 1815, Tầng 18, Tháp Keangnam Hanor Landmark, Lô H6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	
7	Điều 10: Chiến lược đầu tư			

Sửa đổi Điểm b Khoản 4

Sửa đổi Điểm c Khoản 4

Bổ sung Khoản 5

b. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

- Khác

c. Tài sản đầu tư

Quỹ ACBGF đầu tư chủ yếu vào các loại tài sản sau:

- Cổ phiếu đang và sẽ niêm yết;
- Trái phiếu niêm yết bao gồm trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu địa phương, trái phiếu doanh nghiệp;
- Công cụ tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi tại tổ chức tín dụng, tín phiếu kho bạc và thương phiếu với thời gian đáo hạn tính từ ngày phát hành không quá 01 năm;
- Các tài sản khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

b. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

- Các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép

c. Tài sản đầu tư

Quỹ ACBGF chỉ đầu tư vào những loại tài sản sau :

- Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
 - Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;
 - Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
 - Các chứng khoán và tài sản khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài Chính.
5. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại tiết i, ii điểm c Khoản 4 Điều này tại các ngân hàng thương mại đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

Khoản 2 Điều 9 Thông tư 224/2012/TT-BTC

Khoản 3, Điều 9 Thông tư 224/2012/TT-BTC

8

Điều 11. Hạn chế đầu tư

Sửa đổi Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7

(Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều lệ hiện hành được sửa đổi thành Khoản 1 Điều lệ mới)

9. Không đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ này hoặc vào Chứng chỉ Quỹ hoặc vốn góp của Quỹ đầu tư chứng khoán khác;
10. Đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành tối đa không vượt quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
11. Tối đa không đầu tư vượt quá hai mươi phần trăm (20%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
12. Tối đa không đầu tư vượt quá ba mươi phần trăm (30%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
13. Tối đa không đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào bất động sản;
14. Trường hợp được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản,

1. Vốn và tài sản của quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
 - a. Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - b. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại tiết i, ii điểm c Khoản 4 Điều 10 Điều lệ này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - c. Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại tiết i, ii, iv, v, vi điểm c Khoản 4 Điều 10 Điều lệ này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
 - d. Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính

Điều 9 Thông tư 224/2012/TT-BTC

Sửa đổi Khoản 8

(Khoản 8 Điều lệ hiện hành được sửa đổi thành Khoản 2 Điều lệ mới)

Sửa đổi Khoản 9

(Khoản 9 Điều lệ hiện hành được sửa đổi thành Khoản 3 Điều lệ mới)

Sửa đổi Khoản 10

(Khoản 10 Điều lệ hiện hành được sửa đổi thành Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều lệ mới)

không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu các tổ chức phát hành riêng lẻ, hoặc các tài sản tài chính khác theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 10;

15. Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;

8. Không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;

9. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ có thể sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều này. Các sai lệch phải là kết quả của việc tăng hoặc giảm giá trị thị trường của tài sản đầu tư, việc thay đổi giá trị do thực hiện các quyền ưu đãi của tài sản đầu tư và các Khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ đại chúng;

10. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch trên. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để bảo đảm các hạn mức đầu tư quy định tại Điều này.

quy định tại tiết v điểm c Khoản 4 Điều 10 Điều lệ này;

- e. Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại tiết i điểm c Khoản 4 Điều 10 Điều lệ này; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
- f. Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
2. Không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày;
3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f Khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b. Thực hiện các Khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
- c. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;
- d. Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực;
- e. Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.
4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại Khoản 9 Điều này, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều này.
5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi Khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
6. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo luật định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời

Khoản 6, Điều 9, Thông tư 224/2012/TT-BTC

Khoản 7, Điều 9 Thông tư 224/2012/TT-BTC

Khoản 8, Điều 9, Thông tư 224/2012/TT-BTC

			điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục. Thông báo phải có ý kiến xác nhận của ngân hàng giám sát.	Khoản 9, Điều 9, Thông tư 224/2012/TT-BTC
	Bổ sung Khoản 7		7. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho quỹ, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định sau: b. Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán; c. Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về Khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác thực hiện giao dịch hoặc đối tác không được phép thực hiện giao dịch (nếu có), loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.	Khoản 10, Điều 9, Thông tư 224/2012/TT-BTC
9	Điều 14			
	Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư			
	Sửa đổi Khoản 1	1. Nhà đầu tư có những quyền sau: a. Hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của Quỹ ACBGF theo tỷ lệ vốn góp tương ứng của Nhà đầu tư; b. Được chia số tài sản còn lại khi Quỹ thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ Nhà đầu tư sở hữu (nếu còn); c. Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ; d. Được quyền mua thêm Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm khi Quỹ tăng vốn điều lệ, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư hiện sở hữu căn cứ theo Danh sách nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp; e. Khiếu nại Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc những tổ chức có liên quan nếu những tổ chức này vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư; f. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư, quyết định cùng với Đại hội Nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21 của Điều lệ Quỹ; g. Từ ứng cử hoặc được đề cử vào Ban đại diện Quỹ nếu Nhà đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này; Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có quyền đề cử Nhà đầu tư vào thành	1. Nhà đầu tư có những quyền sau: a. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau; b. Hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của Quỹ ACBGF theo tỷ lệ vốn góp tương ứng của Nhà đầu tư; c. Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ; d. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ; e. Quyền được chia số tài sản còn lại khi Quỹ thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ Nhà đầu tư sở hữu (nếu còn); f. Quyền mua thêm Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm khi Quỹ tăng vốn điều lệ, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Chứng chỉ Quỹ mà Nhà đầu tư hiện sở hữu căn cứ theo Danh sách Nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp; g. Quyền khiếu nại Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc những tổ chức có liên quan nếu những tổ chức này vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;	Điều 12, Thông tư 224/2012/TT-BTC

Sửa đổi Điểm b, d Khoản 2

Bổ sung Khoản 3

viên Ban đại diện Quỹ;

- h. Giao dịch, chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ phù hợp với các quy định của Điều lệ này;
- i. Thực hiện các quyền khác được quy định trong Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ:

- b. Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ ACBGF như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã góp;
- d. Những nghĩa vụ khác được quy định trong Điều lệ Quỹ.

- h. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa để quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21 của Điều lệ Quỹ;
- i. Từ ứng cử hoặc được đề cử vào Ban đại diện Quỹ nếu Nhà đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này; Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có quyền đề cử Nhà đầu tư vào thành viên Ban đại diện Quỹ;
- j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.

2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ:

- b. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, báo cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
- d. Những nghĩa vụ khác được quy định trong pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ Quỹ.

3. Nhà đầu tư, hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:

- a. Đề cử người vào ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;
- b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
- c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - + Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội Nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - + Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - + Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;

Khoản 2 Điều 12, Thông tư
224/2012/TT-BTC

			d. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản; e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định thời hạn khác; f. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.	
	Bổ sung Khoản 4		4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, Hợp đồng Giám sát.	Khoản 3 Điều 12, Thông tư 224/2012/TT-BTC
10	Điều 15 Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư			
	Sửa đổi Khoản 1	1. Công ty Quản lý Quỹ phải lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký Nhà đầu tư từ khi Quỹ ACBGF hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu. Sổ đăng ký Nhà đầu tư của Quỹ ACBGF có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.	1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho nhà đầu tư với số lượng chứng chỉ quỹ đã mua, và lập sổ đăng ký nhà đầu tư.	Khoản 1, Điều 7 Thông tư 224/2012/TT-BTC
	Sửa đổi Điểm f Khoản 2	2. Sổ đăng ký Nhà đầu tư phải có các nội dung sau: f. Danh sách nhà đầu tư, địa chỉ liên lạc, số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ, ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ;	2. Sổ đăng ký Nhà đầu tư phải có các nội dung sau: f. Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài Khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;	Điểm c, Khoản 1, Điều 7 Thông tư 224/2012/TT-BTC
	Sửa đổi Khoản 3 (nội dung mới)		3. Thông tin về nhà đầu tư tại sổ đăng ký nhà đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư	

	Điều chỉnh Khoản 3 Điều lệ hiện hành thành khoản 4 Điều lệ mới	3. Sổ đăng ký Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ lưu giữ và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cho tất cả các Nhà đầu tư biết nơi lưu giữ.	đó.	4. Sổ đăng ký Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ lưu giữ và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cho tất cả các Nhà đầu tư biết nơi lưu giữ.	
11	Điều 18 Giải pháp cho vấn đề thừa lỗ của Quỹ				
	Bổ điểm c Khoản 1	c. Tăng Vốn Điều lệ Quỹ từ Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ vốn góp của họ; hoặc		e. Tăng Vốn Điều lệ Quỹ từ Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ vốn góp của họ; hoặc	
	Sửa đổi Khoản 2	2. Việc tăng hay giảm Vốn Điều lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Việc giải thể Quỹ sẽ phải tuân theo các quy định nêu tại Chương XI (Giải thể Quỹ đầu tư Chứng khoán) của Điều lệ này.		2. Việc giảm Vốn Điều lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Việc giải thể Quỹ sẽ phải tuân theo các quy định nêu tại Chương XI (Giải thể Quỹ đầu tư Chứng khoán) của Điều lệ này.	
12	Điều 19 Đại hội Nhà đầu tư Thường Niên				
	Sửa đổi Khoản 1	1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư. Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký Nhà đầu tư trước ngày họp đều có quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư.		1. Đại hội Nhà đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư. Tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách vào ngày chốt quyền tham dự đại hội theo thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội đều có quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư.	
	Sửa đổi Khoản 2	2. Đại hội Nhà đầu tư thường niên do Ban đại diện Quỹ triệu tập và được tổ chức trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.		2. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Khoản 2, Điều 13 Thông tư 224/2012/TT-BTC
13	Điều 20 Đại hội Nhà đầu tư bất thường				
	Sửa đổi Khoản 1	1. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được Công ty Quản lý Quỹ, Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc nhóm Nhà đầu tư nắm giữ ít nhất 10% vốn điều lệ liên tục trong vòng ít nhất sáu (06) tháng triệu tập trong những trường hợp sau đây:		1. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được Công ty Quản lý Quỹ triệu tập theo yêu cầu của Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 14 trong những trường hợp sau đây:	
	Sửa đổi Điểm d Khoản 1	d. Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;		d. Xem xét điều chỉnh mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;	
	Sửa đổi Khoản 2	2. Việc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra		2. Việc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư. Chậm nhất mười lăm	Khoản 4, Điều 13 Thông tư 224/2012/TT-BTC

	<i>Bổ sung Khoản 4</i>	cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai cho Nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư.	(15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.	
			4. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư như quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này thì Công ty Quản lý Quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều này trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát thay thế Công ty Quản lý Quỹ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành.	Khoản 5, Điều 13 Thông tư 224/2012/TT-BTC
14	Điều 21 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư			
	<i>Sửa đổi Khoản 2</i>	2. Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;	2. Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ. Tổng mức thù lao và chi phí thanh toán cho ban đại diện quỹ trong năm không vượt quá tổng ngân sách hoạt động trong năm của ban đại diện quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;	Điểm b, Khoản 12 Điều 15 Thông tư 224/2012/TT-BTC
	<i>Sửa đổi Khoản 6</i>	6. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể Quỹ;	6. Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại quỹ; thay đổi phương án phân phối lợi tức;	Điểm b, Khoản 1 Điều 13 Thông tư 224/2012/TT-BTC
	<i>Bỏ Khoản 9</i>	9. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;	9. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư	
	<i>Sửa đổi Khoản 11 Điều lệ hiện hành thành Khoản 10 Điều lệ mới</i>	11. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ;	10. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có);	Điểm d, Khoản 1 Điều 13 Thông tư 224/2012/TT-BTC
	<i>Sửa đổi Khoản 12 Điều lệ hiện hành thành Khoản 11 Điều lệ mới</i>	12. Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ này;	11. Quyết định Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; kéo dài thời hạn hoạt động của quỹ;	Điểm c, Khoản 1 Điều 13 Thông tư 224/2012/TT-BTC
	<i>Bổ sung thêm Khoản 13</i>		13. Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa quỹ với nhà đầu tư sở hữu trên 35% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của nhà đầu tư này. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;	Điểm d, Khoản 1 Điều 13 Thông tư 224/2012/TT-BTC
	<i>Bổ sung thêm Khoản 14</i>		14. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ	
15	Điều 22			

Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư			
Sửa đổi Điểm a Khoản 1	a. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% vốn Điều lệ Quỹ. Nhà đầu tư có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội.	a. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.	Khoản 2 điều 14 Thông tư 224/2012/TT-BTC
Sửa đổi Khoản 2	2. Quy trình tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư:	2. Thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư:	
Sửa đổi Điểm b Khoản 2	b. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước khi tiến hành đại hội.	b. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy định nội bộ về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội Nhà đầu tư theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ, gồm các nội dung chính sau: + Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, trong đó có thời hạn gửi thông báo và nhận phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản; thủ tục đăng ký tham dự Đại hội Nhà đầu tư; + Phương thức bỏ phiếu; trình tự, thủ tục kiểm phiếu; thông báo kết quả bỏ phiếu; + Lập và thông qua biên bản Đại hội Nhà đầu tư, thông báo nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư ra công chúng; trình tự, thủ tục phản đối nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.	Khoản 1,5,8 Điều 14 Thông tư 224/2012/TT-BTC
Sửa đổi Điểm c Khoản 2	c. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.	c. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư cho Ngân hàng Giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định	
Bổ sung Khoản 3 (nội dung chi tiết được trình bày dưới đây)		3. Thể thức tiến hành và thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	

3. Thể thức tiến hành và thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Để các quyết định được Nhà đầu tư nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm:
 - i. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của Nhà đầu tư bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Quỹ, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;
 - ii. Chuẩn bị lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình cho Nhà đầu tư, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm Phiếu lấy ý kiến biểu quyết của Nhà đầu tư cho Công ty Quản lý quỹ.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;
- + Tên, địa chỉ đăng ký, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng, mã chứng khoán của Quỹ;
- + Mục đích lấy ý kiến;
- + Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác của Nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà đầu tư là tổ chức;
- + Số lượng chứng chỉ quỹ của từng loại và số phiếu biểu quyết của Nhà đầu tư;
- + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến;
- + Thời hạn gửi về Công ty Quản lý Quỹ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- + Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ;

iii. Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định quyết định của Đại hội Nhà đầu tư và trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ Ngày hoàn trả, Công ty Quản lý Quỹ phải có văn bản thông báo kết quả biểu quyết và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư gửi cho tất cả Nhà đầu tư có quyền tham dự Đại hội Nhà đầu tư. Phiếu lấy ý kiến được trả lời phải có chữ ký của Nhà đầu tư cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của Nhà đầu tư là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty Quản lý Quỹ sau thời hạn đã xác định hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

Công ty Quản lý Quỹ kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban đại diện Quỹ. Biên bản kiểm phiếu phải cáo các nội dung chủ yếu sau:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;
- + Tên, địa chỉ đăng ký, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng, mã chứng khoán của Quỹ;
- + Mục đích và các vấn đề cần xin ý kiến để thông qua quyết định;
- + Thời gian, địa điểm kiểm phiếu;
- + Họ tên những người tham gia kiểm phiếu;
- + Số Nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Nhà đầu tư tham gia biểu quyết;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Các quyết định đã được thông qua;
- + Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Ban đại diện Quỹ giám sát kiểm phiếu.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- b. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội Nhà đầu tư trực tiếp biểu quyết thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.
- c. Biên bản kết quả kiểm phiếu được gửi cho Nhà đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.

S.T.T	Điều khoản sửa đổi bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi bổ sung	Cơ sở pháp lý
16	Điều 23 Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư			

	Sửa đổi Khoản 2	2. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư sẽ được thông qua khi đáp ứng các điều kiện sau đây: a. Quyết định được thông qua bởi số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư tham gia Đại hội và các Nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác; b. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, giải thể Quỹ, sáp nhập, hợp nhất Quỹ phải được thông qua bởi số Nhà đầu tư đại diện cho 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư tham dự Đại hội và các Nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác được chấp thuận.	2. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp chấp thuận.	Khoản 3 điều 14 Thông tư 224
	Sửa đổi Khoản 4	4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là : a. Thông qua điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ này cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát; b. Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ; c. Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.	4. Trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư thường niên hoặc Đại hội Nhà đầu tư để lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại Khoản 3, 6, 7, 8, 11, 13 Điều 21 Điều lệ Quỹ này, Công ty Quản lý Quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư.	
17	Điều 24 Ban đại diện Quỹ			
	Sửa đổi Khoản 1	1. Ban đại diện Quỹ đại diện cho quyền lợi Nhà đầu tư và do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra.	1. Ban đại diện Quỹ đại diện cho quyền lợi Nhà đầu tư được bầu tại các cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản.	Khoản 1 Điều 15 thông tư 224
	Sửa đổi Khoản 3	3. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) với Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát. Số lượng cụ thể thành viên trong Ban đại diện Quỹ của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.	3. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) với Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này. Số lượng cụ thể thành viên trong Ban đại diện Quỹ của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư quyết định. Trong Ban đại diện qQuỹ phải có: a. Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán; b. Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản; c. Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.	Khoản 5 Điều 15 thông tư 224

Sửa đổi Khoản 6 (nội dung mới)

Điều chỉnh Khoản 6 Điều lệ hiện hành thành khoản 7 Điều lệ mới

6. Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho Nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và Ngân hàng giám sát.

6. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị. Việc đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a. Thông tin liên quan đến các ứng viên ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày, trước ngày triệu tập họp đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b. Trường hợp số lượng các ứng viên ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

7. Trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ, Công ty Quản lý Quỹ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và gửi danh sách Ban đại diện Quỹ, kèm theo hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban đại diện Quỹ theo quy định.

Khoản 7 Điều 15 thông tư 224

18

Điều 25

Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Sửa đổi điểm a Khoản 1

Sửa đổi Khoản 2 (nội dung mới)

a. Nắm giữ ít nhất 5% Vốn Điều lệ của Quỹ. Nhóm Nhà đầu tư nắm giữ đến tỷ lệ này có quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ; hoặc;

a. Nắm giữ ít nhất 5% Vốn Điều lệ của Quỹ. Hoặc;

2. Những người sau đây không được là thành viên ban đại diện quỹ:

a. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

b. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh

			trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xoá án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước; c. Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp; d. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng; e. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó; f. Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép; g. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; h. Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;	
	Điều chỉnh Khoản 2, 3 Điều lệ hiện hành thành khoản 3, 4 Điều lệ mới	2. Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện Quỹ phải cam kết về việc nắm giữ 100% số lượng chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực và ít nhất 50% số lượng Chứng chỉ Quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo. 3. Thành viên Ban đại diện Quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ.	2. Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện Quỹ phải cam kết về việc nắm giữ 100% số lượng chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày <u>chứng chỉ Quỹ niêm yết</u> và ít nhất 50% số lượng Chứng chỉ Quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo 3. Thành viên Ban đại diện Quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ.	
19	Điều 26 Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	Điều 26 Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	Điều 26 Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ/ Thành viên Ban đại diện Quỹ	

Sửa đổi từ Khoản 1 đến Khoản 21 Điều
lệ hiện hành thành Khoản 1 Điều lệ
mới

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;

1. Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Ban đại diện Quỹ đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
 - b. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
 - c. Giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ đại chúng phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật;
 - d. Thông qua các giao dịch giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, hoặc với người có liên quan phù hợp với những quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
 - e. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
 - f. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung những vấn đề cơ bản trong Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, hợp đồng giám sát với sự ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư;
 - g. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
 - h. Kiến nghị việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát;
 - i. Thông qua các khoản phí hợp lý, hợp lệ khác phát sinh từ hoạt động đầu tư của Quỹ ngoài các khoản phí đã được liệt kê tại Điều lệ này, phù hợp với đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ;
 - j. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ;
 - k. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hằng năm, hàng quý của Quỹ;
 - l. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;

Khoản 11 Điều 15 Thông
tư 224

Bổ sung Khoản 2 (nội dung mới)

- m. Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
- n. Đề nghị giải thể Quỹ và kế hoạch giải thể;
- o. Trên hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường;
- p. Có thể được Chủ tịch ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định;
- q. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- r. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định;
- s. Chấp hành đúng cam kết hạn chế chuyển nhượng của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này và pháp luật;
- t. Phải chấp hành quy định về việc công bố thông tin trong giao dịch Chứng chỉ Quỹ đầu tư ACBGF theo quy định pháp luật có liên quan.
- u. Phê duyệt sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá theo quy định tại Khoản 3 Điều 43 Điều lệ này; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch quy định tại điểm b Khoản 7 Điều 11 Điều lệ này; phê duyệt hồ sơ phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ và các nội dung có liên quan theo thẩm quyền được giao;
- v. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
- w. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.

2. Quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ:

- a. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và tại điều lệ quỹ.
- b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
- c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

20	Điều 28 Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ			
	Sửa đổi Khoản 1	1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.	1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt <u>hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao</u> thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.	
	Sửa đổi Khoản 2	2. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt mà không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí để chủ trì cuộc họp.	2. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt mà không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên <u>độc lập</u> tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí để chủ trì cuộc họp.	
21	Điều 29 Định chế và bãi miễn Chủ tịch/Thành viên Ban đại diện Quỹ			
	Sửa đổi Khoản 1	1. Chủ tịch/thành viên Ban đại diện Quỹ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Ban đại diện Quỹ trong các trường hợp sau: a) Bị khởi tố hoặc truy tố hình sự; b) Bị tòa án tuyên bố là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi; c) Từ chức, hết nhiệm kỳ công tác hoặc chết; d) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền.	1. Chủ tịch/thành viên Ban đại diện Quỹ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Ban đại diện Quỹ trong các trường hợp sau: a. Bị khởi tố hoặc truy tố hình sự; b. Bị tòa án tuyên bố là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi; c. Từ chức, hết nhiệm kỳ công tác hoặc chết; d. Là người đại diện phần vốn góp của nhà đầu tư tổ chức khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân; e. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền; bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; f. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của nhà đầu tư tổ chức.	Khoản 3 Điều 15 Thông tư 224/2012/TT-BTC
	Sửa đổi Điểm d Khoản 2	d. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.	d. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong vòng mười hai (12) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.	
22	Điều 30 Cuộc họp Ban đại diện Quỹ			
	Sửa đổi Khoản 1	1. Ban đại diện Quỹ sẽ họp ít nhất một quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ là người triệu tập và điều khiển cuộc họp. Chủ tịch phải gửi thông báo bằng văn bản cho tất cả thành viên Ban đại diện Quỹ ít nhất là mười (10) ngày	1. Ban đại diện Quỹ sẽ họp ít nhất sáu (06) tháng một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ là người triệu tập và điều khiển cuộc họp. Chủ tịch phải gửi thông báo bằng văn bản cho tất cả thành viên Ban đại diện Quỹ ít nhất là	Khoản 13 Điều 15 TT 224

	Sửa đổi Khoản 3 Sửa đổi Khoản 4	trước ngày họp Ban đại diện Quỹ. 3. Số lượng thành viên tối thiểu tham dự cuộc họp của Ban đại diện Quỹ là hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban đại diện Quỹ. Trường hợp Ban đại diện Quỹ có ba (03) thành viên thì cuộc họp Ban đại diện Quỹ yêu cầu có sự tham dự đầy đủ của cả ba (03) thành viên Ban đại diện Quỹ. 4. Số lượng thành viên tối thiểu để thông qua các vấn đề tại các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ là: a. Hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự. Trong trường hợp số phiếu bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người quyết định cuối cùng; b. Ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự đối với các vấn đề được quy định tại Khoản 4, 6 và 7 Điều 26 của Điều lệ này; c. Các thành viên tham dự phải nhất trí tuyệt đối với các vấn đề được nêu tại Khoản 5, 9 và 15 Điều 26 của Điều lệ này. d. Trong trường hợp Ban đại diện Quỹ chỉ có ba (03) thành viên, yêu cầu sự nhất trí tuyệt đối của tất cả thành viên đối với tất cả các vấn đề được quy định tại Điều 26 của Điều lệ này.	mười (10) ngày trước ngày họp Ban đại diện Quỹ. 3. Số lượng thành viên tối thiểu tham dự cuộc họp của Ban đại diện Quỹ là hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban đại diện Quỹ, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (từ 51% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Trường hợp Ban đại diện Quỹ có ba (03) thành viên thì cuộc họp Ban đại diện Quỹ yêu cầu có sự tham dự đầy đủ của cả ba (03) thành viên Ban đại diện Quỹ. 4. Số lượng thành viên tối thiểu để thông qua các vấn đề tại các cuộc họp của Ban đại diện Quỹ là: a. Hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự. Trong trường hợp số phiếu bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người quyết định cuối cùng; b. Ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự đối với các vấn đề được quy định tại Điểm d, f và g Khoản 1 Điều 26 của Điều lệ này; c. Trong trường hợp Ban đại diện Quỹ chỉ có ba (03) thành viên, yêu cầu sự nhất trí tuyệt đối của tất cả thành viên đối với tất cả các vấn đề được quy định tại Điều 26 của Điều lệ này.	Khoản 14 Điều 15 TT 224
	Bổ sung Khoản 8 (nội dung mới)		8. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên ban đại diện quỹ tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.	
23	Điều 32 Quyền và nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ Sửa đổi Điểm d Khoản 1	d. Đối với những giao dịch của quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;	d. Đối với những giao dịch của quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng, không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và Điều lệ này;	

	<i>Sửa đổi Điểm g Khoản 1</i> <i>Bổ sung Điểm l Khoản 1</i> <i>Bổ sung Điểm e Khoản 2</i>	g. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;	g. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi giao dịch và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ; l. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	Khoản 5 Điều 25 TT 212
24	Điều 33 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ <i>Sửa đổi Điểm a Khoản 1</i> <i>Sửa đổi Điểm b Khoản 1</i>	a. Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận; b. Theo đề nghị của Ngân hàng Giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;	a. Công ty Quản lý Quỹ <u>tự nguyện</u> đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận; b. Được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;	
	<i>Sửa đổi Khoản 2</i>	2. Trong trường hợp nêu tại Điểm a-e, Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ chuyển cho Công ty Quản lý Quỹ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	2. Trong trường hợp nêu tại Điểm a đến Điểm e Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ chuyển cho Công ty Quản lý Quỹ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	
25	Điều 34 Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ <i>Sửa đổi Khoản 3</i> <i>Sửa đổi Khoản 8</i>	3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch, Ban Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ, giám đốc Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận Kiểm soát nội bộ. 8. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ Khoản vay nào của Công ty, người có liên quan của Công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan hoặc các bên khác.	3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài Khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài Khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu. 8. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ Khoản vay nào của Công ty, người có liên quan của Công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan hoặc các bên khác.	Khoản 5 Điều 25 TT 212 Điểm d Khoản 7 Điều 25 – Thông tư 212/2012/TT-BTC

	<i>Bổ sung nội dung Khoản 12 Điều lệ mới</i>		Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; hoặc khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên; 12. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a. Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; b. Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.	Khoản 8 Điều 25 – Thông tư 212/2012/TT-BTC
26	Điều 37 Chạm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát			
	<i>Sửa đổi Khoản 2</i>	2. Trong trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ sẽ chuyển giao sang Ngân hàng Giám sát khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	2. Trong trường hợp nêu tại Điểm a đến Điểm g Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ sẽ chuyển giao sang Ngân hàng Giám sát khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	
27	Điều 43 Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ			
	<i>Sửa đổi Khoản 1</i> <i>Sửa đổi Khoản 2</i> <i>Bổ sung nội dung Khoản 3 Điều lệ mới</i>	1. Việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được định giá hàng tuần và công bố công khai cho tất cả Nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.	1. Việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện và có xác nhận của Ngân hàng giám sát về việc tuân thủ theo quy định pháp luật, <u>Sổ tay định giá</u> và Điều lệ này. 2. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần và công bố công khai cho tất cả Nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới. 3. Sổ tay định giá phải được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để xác nhận việc tính toán giá trị tài sản ròng. Danh sách của tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá, không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, cũng phải được	- Thông tư 224/2012/TT-BTC - Khoản 3 Điều 10 Thông tư 224/2012/TT-BTC

Bổ sung nội dung Khoản 4 Điều lệ mới

Bổ sung nội dung Khoản 5 Điều lệ mới

Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

4. Công ty Quản lý Quỹ phải xây dựng Sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:

- a. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các nguyên tắc này cũng phải được quy định rõ tại Khoản 5 Điều lệ này;
- b. Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều 44 của Điều lệ này và được Đại hội Nhà đầu tư phê chuẩn. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với thông lệ quốc tế để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.

Ngoài ra, Sổ tay định giá sẽ có những chỉ dẫn chi tiết, cụ thể hơn cho một số trường hợp phát sinh thêm từ nội dung “Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận” trong phần nguyên tắc và quy trình định giá đã được quy định tại Điều 44 của Điều lệ này. Đối với trường hợp này, Sổ tay định giá sẽ được cập nhật lại khi những chỉ dẫn chi tiết, cụ thể hơn đó được Ban đại diện Quỹ thông qua.

Đối với những chỉnh sửa trong Sổ tay định giá không xuất phát từ trường hợp nêu trên, mà liên quan trực tiếp đến phần nguyên tắc, quy trình định giá hoặc nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá, đều phải thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB cho Đại hội Nhà đầu tư phê chuẩn. Sau đó, những chỉnh sửa đó mới được cập nhật chính thức và Sổ tay định giá.

5. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá, cụ thể như sau:

- a. Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét việc thay đổi và trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt đánh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
 - i. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
 - ii. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
 - iii. Không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.
- b. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: khi có một trong những tiêu chí sau:
 - i. Khi Công ty Quản lý Quỹ mở tài Khoản giao dịch chứng khoán tại các công ty chứng khoán đang báo giá.
 - ii. Công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt

- Phụ lục số 4 Thông tư
224/2012/TT-BTC

			đồng cung cấp dịch vụ báo giá. iii. Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát. iv. Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.
--	--	--	--

28. Chính sửa Điều 44: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày Định Giá

- Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ sẽ được công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày định giá.
- Việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ sẽ do ACBC chịu trách nhiệm và được xác nhận bởi Ngân hàng Giám sát phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Quỹ.

2. Nguyên tắc định giá Giá trị Tài sản Ròng

Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng các giá trị của chứng khoán và tài sản khác của Quỹ trừ đi tổng nợ của Quỹ, kể cả các Khoản Cổ tức Quỹ chưa thanh toán hoặc sẽ thanh toán vào, tại hoặc trước ngày định giá.

Giá trị Tài sản Ròng (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Trong đó:

- Tổng giá trị tài sản của Quỹ bao gồm các giá trị của Khoản đầu tư, cổ tức, lợi tức, lợi nhuận được chia, tiền gửi ngân hàng và các Khoản tiền chưa đầu tư của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị. Giá trị tổng tài sản có được tính tại điểm a Khoản 3 Điều này;
- Tổng nợ phải trả của Quỹ bao gồm các chi phí nêu tại Chương XII cộng với các Khoản Cổ tức Quỹ chưa thanh toán hoặc sẽ thanh toán vào, tại hoặc trước ngày định giá.

Giá trị Tài sản Ròng của Đơn vị Quỹ bằng: NAV/Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành.

3. Phương pháp định giá

- Việc xác định giá trị các tài sản của Quỹ thực hiện theo phương pháp định giá sau đây:
 - Đối với cổ phiếu niêm yết
 - Giá của chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
 - Giá của các chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nhưng không có giao dịch trong thời gian ít hơn hai (2) tuần được xác định trên cơ sở giá chào mua trung bình do ba (3) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
 - Trong trường hợp các chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nhưng không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, giá trị chứng khoán đó được áp dụng như sau:
 - Bằng 80% giá trị thanh lý của một cổ phiếu tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất trong trường hợp tổ chức phát hành đang trong quá trình chia tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản;
 - Bằng giá mua trong các trường hợp khác; hoặc
 - Được xác định theo nguyên tắc định giá khác đã được Ngân hàng Giám sát đồng ý và Đại hội Nhà đầu tư chấp nhận.
 - Đối với cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)
 - Giá của các loại cổ phiếu chưa niêm yết là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do ba (3) công ty chứng khoán có uy tín cung cấp. Công ty chứng khoán được lựa chọn, phải là công ty độc lập với Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát.
 - Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp trên, phương pháp định giá theo giá trị sổ sách sẽ được áp dụng.

- Đối với các loại tài sản khác như tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm kể từ ngày định giá, giá các chứng khoán đó được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến thời điểm định giá. Trường hợp tài sản là trái phiếu chiết khấu, giá trị tài sản được xác định theo phương pháp định giá theo dòng tiền hoặc theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở giá mua và mệnh giá của trái phiếu.
 - Đối với trái phiếu có thời gian đáo hạn trên một (01) năm kể từ ngày định giá, trái phiếu chuyển đổi, giá của các chứng khoán đó được xác định bằng giá thị trường theo quy định đối với trường hợp cổ phiếu niêm yết và/hoặc trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) được quy định trong điểm a, Khoản 3 Điều này. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá trị thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá trái phiếu phù hợp.
 - Đối với các loại tài sản khác của Quỹ như cổ tức, lãi nhận được, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá một (01) năm kể từ ngày định giá, giá trị của các tài sản này được tính theo giá thực tế tại thời điểm xác định.
 - Trường hợp tài sản của Quỹ là bất động sản, giá trị tài sản này phải được định giá bởi một tổ chức định giá độc lập được sự đồng ý của Ngân hàng giám sát và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Tổ chức định giá này không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát. Tài sản này phải được thẩm định và định giá định kỳ sáu (06) tháng một lần. Trường hợp xảy ra những sự kiện có thể ảnh hưởng đến giá trị của tài sản, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát phải thông báo với tổ chức định giá.
 - Giá của các loại tài sản khác được xác định theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan đã được Ngân hàng giám sát phê duyệt và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- b. — Phương thức xác định giá trị các Khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được Ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

1. Nguyên tắc chung

1.1 Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ phải đảm bảo:

- a. Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và điều lệ quỹ;
- b. Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ trên cơ sở các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công;
- c. Các khoản mục tài sản cần định giá, bao gồm chứng khoán, tiền và các khoản đầu tư khác, phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các chỉ tiêu chưa thống nhất phải được xử lý kịp thời;
- d. Giá chứng khoán chưa niêm yết phải được thường xuyên cập nhật, theo nguyên tắc thận trọng, phù hợp với mức độ thanh khoản của thị trường (có tính tới mức giá của các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công với khối lượng giao dịch tương đương);
- e. Cổ tức, quyền mua cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, trái tức và các lợi ích vật chất khác thuộc về quyền sở hữu phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- f. Những khoản chi phí, lãi tiền gửi, trái tức và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất phù hợp;
- g. Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
- h. Trường hợp mức độ thanh khoản của thị trường bị hạn chế, cần xác lập các mức dao động giá hợp lý, tùy thuộc vào biến động của thị trường khi định giá;
- i. Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- j. Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.
- k. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - i. Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - ii. Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - iii. Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.
- l. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

1.2 Ngân hàng Giám sát

- a. Ngân hàng Giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công ty Quản lý Quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền thực hiện các hoạt động này;

- b. Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công ty Quản lý Quỹ có hiệu lực;
- c. Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân hàng Giám sát biết hoặc có cơ sở cho rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công ty Quản lý Quỹ không đáp ứng yêu cầu;
- d. Ngân hàng Giám sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.
- 1.3 Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác
- a. Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho Ngân hàng Giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;
- b. Ngân hàng Giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.
- 1.4 Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Ngày định giá của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB là ngày thứ sáu hàng tuần cho kỳ xác định giá trị tài sản ròng hàng tuần và ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của kỳ xác định giá trị tài sản ròng hàng tháng.

1.5 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ.

Giá trị Tài sản Ròng (NAV) = Tổng giá trị tài sản của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường).

Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 2. Phương pháp định giá dưới đây.

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.

2. Phương pháp định giá

2.1 Giá trị tài sản

SỐ TT	Mô tả tài sản	Nguyên tắc định giá tài sản
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ tín dụng ngắn hạn		
1	Tiền gửi không kỳ hạn (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi có kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới 3 tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		

1	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá giao dịch gần nhất; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
2	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất coupon phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
1	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá giao dịch gần nhất; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
2	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá giao dịch gần nhất; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
3	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá giao dịch gần nhất; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

4	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: + Giá trung bình dựa trên báo giá của 02 tổ chức cung cấp báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
5	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
7	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phát sinh		
1	Chứng khoán phát sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
2	Chứng khoán phát sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
3	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
Các tài sản khác		
1	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: Khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.

2.2 Giá trị cam kết

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các Khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

STT	Điều Khoản sửa đổi bổ sung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi bổ sung	Cơ sở pháp lý
29	Điều 46 Các điều kiện giải thể Quỹ Sửa đổi Khoản 1	1. Quỹ sẽ giải thể trong các trường hợp sau đây: a. Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn. b. Đại hội Nhà đầu tư quyết định giải thể Quỹ trước khi kết	1. Quỹ sẽ giải thể trong các trường hợp sau đây: a. Công ty Quản lý Quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện Quỹ không xác lập được công ty Quản lý Quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự	Khoản 1 Điều 19 Thông tư 224/2012/TT-BTC

Sửa đổi Khoản 2, 3, 4 Điều lệ hiện hành thành Khoản 2 Điều lệ mới

Bổ sung Khoản 3

thúc thời hạn hoạt động của Quỹ :

- Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ giải thể, bị phá sản hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi mà không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng ba (03) tháng;
 - Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt Hợp đồng giám sát, Ngân hàng giám sát giải thể, bị phá sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng ba (03) tháng;
 - Đại hội Nhà đầu tư quyết định chuyển tài sản của Quỹ sang Quỹ khác;
 - Các trường hợp khác được quyết định bởi đại hội nhà đầu tư.
2. Trường hợp Quỹ giải thể do kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn hoặc Đại hội Nhà đầu tư quyết định chuyển toàn bộ tài sản của Quỹ vào một Quỹ khác thì tối thiểu ba (03) tháng trước ngày giải thể Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát phải triệu tập Đại hội Nhà đầu tư và trình phương án giải thể Quỹ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về phương án giải thể để Đại hội Nhà đầu tư quyết định.
3. Trường hợp Quỹ buộc phải giải thể do Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ giải thể, bị phá sản hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ bị UBCKNN thu hồi mà không xác lập được Công ty Quản lý Quỹ thay thế trong vòng ba (03) tháng thì Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ phải triệu tập Đại hội Nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về việc giải thể.
4. Trường hợp Quỹ giải thể do Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt hợp đồng giám sát, Ngân hàng giám sát giải thể, bị phá sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng ba (03) tháng hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ phải triệu tập Đại hội Nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về việc giải thể.

kiện;

- b. Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty Quản lý Quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà công ty Quản lý Quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c. Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
 - d. Kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ hoặc Đại hội Nhà đầu tư quyết định giải thể Quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ Quỹ;
 - e. Các trường hợp khác được quyết định bởi Đại hội Nhà đầu tư.
2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Quỹ giải thể theo quy định tại điểm b, c, d và e Khoản 1 Điều này, hoặc ba (03) tháng trước ngày tiến hành giải thể quỹ theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều này, công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ (trong trường hợp không có công ty Quản lý Quỹ) triệu tập Đại hội Nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể quỹ.
3. Đại hội Nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của quỹ cho nhà đầu tư, hoặc duy trì hoạt động của Ban đại diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài

Khoản 2 Điều 19 Thông tư 224/2012/TT-BTC

Khoản 3 Điều 19 Thông tư 224/2012/TT-BTC

	<i>Sửa đổi Khoản 5 Điều lệ hiện hành thành Khoản 4 Điều lệ mới</i> <i>Sửa đổi Khoản 6 Điều lệ hiện hành thành Khoản 5 Điều lệ mới</i> <i>Bổ sung nội dung Khoản 6 Điều lệ mới</i>	5. Phương án giải thể Quỹ phải được các bên có liên quan thống nhất trong thời điểm sớm nhất và phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. 6. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản Quỹ và phân phối tài sản Quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án giải thể đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.	sản quỹ. 4. Phương án giải thể Quỹ phải được các bên có liên quan thống nhất trong thời điểm sớm nhất và phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. 5. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản Quỹ và phân phối tài sản Quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án giải thể đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trường hợp quỹ giải thể theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này thì Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thanh lý, phân chia tài sản quỹ. 6. Đại hội Nhà đầu tư thông nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể quỹ, công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát không được: - Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho quỹ; - Chuyển các Khoản nợ không có bảo đảm thành các Khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của quỹ; - Tặng, cho tài sản của quỹ cho tổ chức, cá nhân khác; - Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia; hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của quỹ mà không thực hiện bù trừ; - Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của quỹ.	Khoản 4 Điều 19 Thông tư 224/2012/TT-BTC Khoản 4 Điều 19 Thông tư 224/2012/TT-BTC
30	Điều 47 Thanh lý tài sản Quỹ khi giải thể <i>Sửa đổi Khoản 1</i>	1. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại khi giải thể được thanh toán theo thứ tự sau đây: - Các Khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và chi phí cho việc giải thể Quỹ; - Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; - Thanh toán các Khoản Quỹ phải trả khác theo quy định của pháp luật (nếu có); - Phần còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỉ lệ góp vốn của Nhà đầu tư trong Quỹ.	1. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại khi giải thể được thanh toán theo thứ tự sau đây: - Nghĩa vụ tài chính với Nhà nước; - Các Khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát, các Khoản phải trả khác và chi phí giải thể quỹ. Trong trường hợp quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b Khoản 1 Điều 46, quỹ không phải thanh toán cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát các Khoản phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện; - Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư (đối với chứng khoán chưa đăng	Khoản 9 Điều 19 Thông tư 224/2012/TT-BTC

	Bổ sung nội dung Khoản 2 Điều lệ mới Điều chỉnh Khoản 2 Điều lệ hiện hành thành Khoản 3 Điều lệ mới	2. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả giải thể Quỹ.	ký lưu ký, phần vốn góp) thực hiện việc phân bổ và đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư. 2. Kết quả thanh lý tài sản của quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát, Công ty Quản lý Quỹ (nếu có) và thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản. 3. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả giải thể Quỹ.	
31	Điều 57 Thay đổi Điều lệ Quỹ Bổ sung nội dung Khoản 2 Điều lệ mới Bổ sung nội dung Khoản 3 Điều lệ mới		2. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, nếu có bất kỳ quy định nào trong Điều lệ này không còn phù hợp, Đại hội Nhà đầu tư sẽ được triệu tập để xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định đó, ngoại trừ một số nội dung sửa đổi, bổ sung dưới đây không phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư: a. Việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh do có sự thay đổi quy định pháp lý; b. Lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm tại điều lệ quỹ. 3. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ này thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.	
32	Điều 59 Điều khoản thi hành Sửa đổi Khoản 1	1. Điều lệ Quỹ có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 11/10/2011 (theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư bất thường Quỹ ACBGF số 02/NQĐH-ACBGF.11 ngày 11/10/2011) và đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	1. Điều lệ Quỹ có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày (theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ACBGF số ngày) và đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	